TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 262/2019/HNGĐ-ST
Ngày 20 - 11 -2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Kết

Ông Đặng Hữu Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi tham gia phiên tòa: Ông Dương Tấn Viễn – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 388/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 457/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 332/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lưu Kim T , sinh năm 1987.

Cư trú tại: Ấp Tân Khánh, xã T , huyện Đ , tỉnh C .

Chỗ ở: Ấp Tân Phong, xã Đ , huyện C , tỉnh C . (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Hoàng U là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh D , sinh năm 1986.

Cư trú tại: Ấp Tân Khánh, xã T , huyện Đ , tỉnh C . (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/7/2019 trong qúa trình giải quyết và xét xử nguyên đơn chị Lưu Kim T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh D tổ chức đám cưới vào năm 2005, hôn nhân tự nguyện, đến năm 2016 đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi và anh D thường xuyên uống rượu bia và dùng vũ lực hành hung chị. Mâu thuẫn vợ chồng được gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, từ đó tình cảm vợ chồng không còn gắn bó, thương yêu nhau, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai có trách nhiệm với ai và hiện vợ chồng đã ly thân. Nay, chị xin ly hôn với anh D.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 05/7/2006 và Nguyễn Tiểu M, sinh ngày 04/7/2016, hiện hai con đang sống với chị. Khi ly hôn, chị đồng ý giao Huyền Trân cho anh D nuôi dưỡng, chị yêu cầu nuôi Tiểu M, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung: 01 căn nhà cấp 4, tại ấp Tân Khánh, xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, giá trị hiện tại khoảng 80.000.000 đồng; 01 cái tủ nhôm để quần áo, giá trị 2.000.000 đồng; 01 cái tủ nhôm để chén, giá trị 4.000.000 đồng; 01 tủ để tivi, giá trị 1.600.000 đồng; 01 giường hộp, giá trị 5.500.000 đồng; 01 tủ lạnh, giá trị 5.000.000 đồng; 01 tivi, giá trị 5.500.000 đồng; 01 cặp loa, giá trị 4.000.000 đồng; 01 đầu đĩa, giá trị 2.000.000 đồng; 01 chiếc xe Honda RX, giá trị 15.000.000 đồng; 01 máy Honda, giá trị 12.000.000 đồng; 01 chiếc vỏ Hữu Vui, giá trị 5.500.000 đồng.

Tổng giá trị: 142.100.000 đồng. Khi ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi số tài sản, chị Thông xin nhận giá trị là 71.050.000 đồng.

Về nợ: Chị xác định không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng.

- Trong qúa trình giải quyết anh Nguyễn Minh D trình bày:

Về hôn nhân: Về hôn nhân và thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn đúng như chị T trình bày. Chị T cho rằng anh thường xuyên uống rượu, dùng vũ lực hành hung chị T là không có. Lý do mâu thuẫn là do cha mẹ chị T yêu cầu chị thông ly hôn với anh chứ vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì. Nay chị Thông yêu cầu được ly hôn với anh, anh không đồng ý vì anh còn thương vợ và con.

Về nuôi con chung: Có 02 con tên Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 05/7/2006 và Nguyễn Tiểu M , sinh ngày 04/7/2016, hiện Huyền T đang ở cùng anh, M hiện do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu Tòa án giải quyết cho anh và chị T ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Huyền T , giao cháu Tiểu M cho chị Thông trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

- Về tài sản chung: Đúng như chị T trình bày nhưng giá trị còn lại không đúng như kê khai của chị T : Anh xác định giá trị 01 căn nhà cấp 4, tại ấp Tân Khánh, xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, giá trị hiện tại khoảng 60.000.000 đồng; 01 tủ nhôm để quần áo, giá trị 500.000 đồng; 01 tủ nhôm để chén, giá trị 1.000.000

đồng; 01 tủ để tivi, giá trị 500.000 đồng; 01 giường hộp, giá trị 2.000.000 đồng; 01 tủ lạnh, giá trị 500.000 đồng; 01 tivi, giá trị 1.000.000 đồng; 01 cặp loa, giá trị 2.000.000 đồng, anh bán để điều trị bệnh; 01 đầu đĩa không còn giá trị; 01 chiếc xe Honda RX, giá trị 4.000.000 đồng; 01 máy Honda, giá trị 2.500.000 đồng, anh bán để điều trị bệnh; 01 vỏ Hữu Vui, giá trị 1.500.000 đồng.

Ngoài ra, anh D g xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có tạo lập được 02 chỉ vàng 24k và 03 chỉ vàng 18k, hiện do chị T quản lý.

Tổng giá trị tài sản anh quản lý là: 75.500.000 đồng; chi T quản lý 02 chỉ vàng 24k và 03 chỉ vàng 18k. Khi ly hôn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi số tài sản mỗi người hưởng ½, anh xin được nhận giá trị và giao hiện vật cho chị T .

- Về nợ: Anh D xác định nợ các chủ nợ 10.000.000 đồng, khi ly hôn anh tự nguyện trả, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hòa giải ngày 22/8/2019 chị Thông thống nhất giá trị tài sản của vợ chồng theo anh D trình bày là 75.500.000 đồng. Đối với 02 chỉ vàng 24k và 03 chỉ vàng 18k, số vàng nay là tài sản riêng của chị, do chị được cha mẹ ruột cho vào ngày cưới nên không không đồng ý chia.

Tại phiên tòa chị T rút yêu cầu về phân chia tài sản chung của vợ chồng.

Ông Trần Hoàng U là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn xác định anh D có hành vi bạo lực gia đình nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và Công văn số 89/CV-UBND ngày 21/10/2019 của Ủy ban nhân dân xã Tân Duyệt cho chị T ly hôn với anh D .

Về con chung: Anh D và chị Thông thỏa thuận khi ly hôn anh Dương yêu cầu được nuôi cháu Huyền T , giao cháu Tiểu M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, thỏa thuận này phù hợp theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản: Tại phiên tòa chị T rút toàn bộ yêu cầu.

Từ các căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 14, 56 và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình tuyên xử:

Về hôn nhân: Cho chị T được ly hôn với anh D .

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Huyền T cho anh D nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Tiểu M cho chị T nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng quy định pháp luật về thủ tục tố tụng giải quyết vụ án dân sự. Qua xem xét lời trình bày của đương sự và các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng vào các Điều 56; Điều 81; khoản 2 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lưu Kim T , cho chị

Lưu Kim T ly hôn với anh Nguyễn Minh D ; Về nuôi con chung: Giao Nguyễn Thị Huyền T , sinh ngày 05/7/2006 cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; giao Nguyễn Tiểu M , sinh ngày 04/7/2016 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Chị Lưu Kim T và anh Nguyễn Minh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con chị T và anh D không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

Về chia tài sản: Tại phiên tòa chị T rút lại yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản.

Về án phí: Chị T thuộc hộ nghèo nên xét miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Anh Nguyễn Minh D là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng anh D vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh D.

[2] *Về hôn nhân*. Chị T và anh D tổ chức đám cưới vào năm 2005, đến ngày 29/8/2016 đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 85/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa chị T yêu cầu ly hôn anh D với các nguyên nhân sau: Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn và anh D thường xuyên uống rượu bia và dùng vũ lực hành hung chị, từ đó tình cảm vợ chồng không còn gắn bó, thương yêu nhau, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai có trách nhiệm với ai. Anh D xác định không có dùng vũ lực hành hung chị Thông. Lý do mẫu thuẫn là do cha mẹ chị Thông yêu cầu chị thông ly hôn với anh chứ vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh, anh không đồng ý vì anh còn thương vợ và con.

Hội đồng xét xử nhận thấy, theo Công văn số: 89/CV-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân xã Tân Duyệt xác định *"...anh Nguyễn Minh D đã có nhiều lần say sỉn về nhà cự cãi với vợ con và lần gần nhất anh Nguyễn Minh D uống rượu về đánh vợ bầm ở mặt và đã được chị Lưu Thị T trình báo chính quyền địa phương, về mặt cơ quan quản lý nhà nước về công tác gia đình tại địa phương thì anh Nguyễn Minh D đã được Công an xã mời làm việc..."*. Điều này cho thấy anh D đã có hành vi bạo lực gia đình và vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 56 luật hôn nhân và gia đình. Hơn nữa, hiện nay chị T và anh D đã ly thân, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai và không còn chung sống cùng nhau, nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình..."*. Viện dẫn theo điều luật quy định trên thấy rằng, tình trạng hôn nhân giữa chị T với

anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T về việc ly hôn với anh D .

[3] *Về nuôi con chung:* Tên Nguyễn Thị Huyền T , sinh ngày 05/7/2006 và Nguyễn Tiểu M , sinh ngày 04/7/2016, hiện cháu T đang ở với anh D , cháu Tiểu Muội ở với chị T . Tại phiên hòa giải chị T và anh D thỏa thuận, khi ly hôn anh D yêu cầu được nuôi cháu Huyền T , giao cháu Tiểu M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy rằng, tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định *"vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi con căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*. Viện dẫn từ điều luật trên và theo biên bản ghi ý kiến của cháu T vào ngày 22/8/2019 cháu T có nguyện vọng ở với anh D . Do đó, cần giao cháu Trân cho anh D nuôi dưỡng; giao cháu Muội cho chị Thông nuôi dưỡng. Anh Dương và chị Thông có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con chị T và anh D không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

[4] *Về chia tài sản:* Tại phiên tòa chị T rút yêu cầu về phân chia tài sản chung, việc rút yêu cầu chia tài sản của chị T là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.

[5] *Về nợ:* Anh D xác định nợ các chủ nợ 10.000.000 đồng, khi ly hôn anh tự nguyện trả, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Ý kiến của trợ giúp viên pháp lý nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Thông là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Thông là hộ nghèo, căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội miễn án phí cho chị T

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 19; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lưu Kim T .

1. Về hôn nhân: Cho chị Lưu Kim T ly hôn với anh Nguyễn Minh D .

2. Về nuôi con chung: Giao Nguyễn Thị Huyền T , sinh ngày 05/7/2006 cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; giao Nguyễn Tiểu M , sinh ngày 04/7/2016 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Chị Lưu Kim T và anh Nguyễn Minh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con chị T và anh D không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

3. Về chia tài sản: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Lưu Kim T về chia tài sản chung của vợ chồng. Chị T có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị T thuộc hộ nghèo nên miễn án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hànhán dân sự.

Chị T có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Anh D có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Ngô Giang Nam